

# TÌM HIỂU KINH TẾ VIỆT NAM QUA CÁC CHỈ SỐ

## Chỉ số

### CẤU TRÚC KINH TẾ QUA LĂNG KÍNH CẤU TRÚC THƯƠNG MẠI: VIỆT NAM PHỤ THUỘC HAY TƯƠNG TÁC VỚI TRUNG QUỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TPP ?

Quan Minh Quốc Bình\*



Chương trình “Tìm hiểu kinh tế Việt Nam qua các chỉ số” nhằm cung cấp cho các nhà nghiên cứu một loạt **Chỉ số và Phân tích** về nhiều lĩnh vực khác nhau. Tập chỉ số không diễn giải mà chỉ mô tả kết quả tính toán, trong khi tập phân tích tập trung nhiều hơn trong việc đánh giá và giải thích vấn đề. Nhóm tác giả hy vọng rằng tập hợp các ấn phẩm này sẽ mang lại một bức tranh tổng thể về đặc thù kinh tế xã hội của Việt Nam.

Tháng 03, 2016

Giám đốc chương trình: Nguyễn Văn Phúc, Điều phối: Cao Xuân Dung

\*Khoa Kinh tế và Quản lý Công, Trường ĐH Mở TpHCM. Email: binh.qmq@ou.edu.vn

# CẤU TRÚC KINH TẾ QUA LĂNG KÍNH CẤU TRÚC THƯƠNG MẠI: VIỆT NAM PHỤ THUỘC HAY TƯƠNG TÁC VỚI TRUNG QUỐC VÀ CÁC THÀNH VIÊN TPP ?

## 1. GIỚI THIỆU

Cấu trúc kinh tế được phản ánh phần lớn qua cấu trúc ngoại thương của một quốc gia. Một nền kinh tế có thể được xem là phụ thuộc vào một quốc gia khác khi nền kinh tế ấy xuất và nhập những mặt hàng khác chủng loại, tức giao thương ngoại ngành (ví dụ xuất hàng nông sản thô và nhập khẩu hàng điện tử). Ngược lại, một nền kinh tế mà chúng ta có thể cho là “tương tác” với một quốc gia khác là khi nền kinh tế ấy có thể xuất và nhập những mặt hàng cùng chủng loại, tức giao thương nội ngành (ví dụ như ngành xe hơi, Mỹ cùng lúc xuất xe Ford vào Nhật và nhập xe Toyota từ Nhật). Sự giao thương nội ngành này xuất phát từ nhu cầu đa dạng mặt hàng của người tiêu dùng, đồng thời cũng thể hiện khả năng tương tác trong phát triển vì thúc đẩy cạnh tranh bằng sáng tạo để nâng cao chất lượng hoặc đưa ra thị trường mẫu mã mới. Như thế, mức độ phụ thuộc hay tương tác của một nền kinh tế có thể được nhìn tương ứng qua lăng kính của mức độ giao thương ngoại ngành và nội ngành.

### Khung: Chỉ số giao thương nội (ngoại) ngành

Chỉ số giao thương nội (ngoại) ngành thông dụng nhất là chỉ số Grubel-Lloyd (GL). Chỉ số này cho phép ước tính mức độ trao đổi nội (ngoại) ngành của một quốc gia, hoặc của ngành  $k$  nào đó, của quốc gia A khi trao đổi với quốc gia B (hoặc với thế giới nói chung). Với  $X_k$  là giá trị xuất khẩu ngành  $k$ , và  $M_k$  giá trị nhập khẩu của ngành  $k$ , công thức tính chỉ số GL Intra-industry Trade (IIT) cho ngành  $k$  là:

$$IIT_{k,AB} = 1 - \frac{|X_{k,AB} - M_{k,AB}|}{X_{k,AB} + M_{k,AB}}$$

Nếu một quốc gia xuất khẩu và nhập khẩu đồng thời cùng một loại hàng hóa trong ngành  $k$ , thì  $X_k = M_k$ , quốc gia này có ngành  $k$  là trao đổi nội ngành, khi đó chỉ số GL sẽ bằng 1. Vậy chỉ số này càng gần với 1 thì ngành  $k$  mang tính trao đổi nội ngành càng cao, và ngược lại nếu nó càng gần với 0 thì ngành  $k$  mang tính trao đổi nội ngành càng thấp.

Theo nhiều tác giả, IIT có thể phân chia theo các mức độ sau:

Mức 1 : $GL > 0.33$	Giao thương nội ngành
Mức 2 : $0.10 \leq GL \leq 0.33$	Có tiềm năng giao thương nội ngành
Mức 3 : $GL < 0.10$	Giao thương ngoại ngành

Chỉ số B. 10 này tính toán mức độ giao thương nội (ngoại) ngành của Việt Nam – Trung Quốc và Việt Nam – các thành viên của Hiệp ước Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) trong giai đoạn 2000-2014.

Tính toán sử dụng cơ sở dữ liệu của UN-Comtrade, ở cấp 6 digits, tức cấp phân loại hàng hóa chi tiết nhất. Sử dụng số liệu ở cấp 6 digits sẽ mang lại kết quả chính xác cho việc đánh giá cấu trúc giao thương giữa Việt Nam và các quốc gia, giúp tránh được việc « ngộ nhận » hoặc kết luận sai lệch khi đứng trước kết quả một IIT có mức nội ngành cao.

## 2. KẾT QUẢ:

### 2.1 Kết quả trên bình diện tổng thể:

Việt Nam – TPP: Kinh tế Việt Nam mang tính phụ thuộc nhiều hơn tương tác. Việt Nam chưa có chỉ số nội ngành cao với quốc gia nào ( trừ Brunei, một đối tác thương mại tương đối quan trọng) mà chỉ có tiềm năng tương tác với 3 quốc gia là Singapore, New Zealand, Malaysia (ngưỡng IIT xấp xỉ 0,3)

Bảng 1: IIT trung bình của Việt Nam đối với các thành viên TPP và Trung Quốc

IIT của Việt Nam với:	2004	2006	2008	2010	2012	2014
USA	0.24	0.22	0.26	0.25	0.23	0.22
Singapore	0.26	0.26	0.29	0.34	0.3	0.29
Australia	0.25	0.25	0.29	0.32	0.27	0.26
Canada	0.28	0.29	0.32	0.31	0.26	0.26
New Zealand	0.34	0.29	0.3	0.33	0.29	0.3
Japan	0.21	0.22	0.26	0.25	0.24	0.24
Brunei	-	-	0.91	0.43	0.51	0.47
Chile	0.46	0.47	0.49	0.28	0.25	0.22
Malaysia	0.28	0.3	0.32	0.33	0.3	0.28
Mexico	0.17	0.27	0.35	0.24	0.24	0.25
Peru	0.55	0.88	0.27	0.6	0.22	0.2
China	0.04	0.05	0.06	0.08	0.08	0.08*

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu UN-Comtrade

Ghi chú: Số liệu của năm cuối cùng của Trung Quốc tương ứng với năm 2013

Việt Nam-Trung Quốc: IIT Việt – Trung gần bằng « zero », thể hiện cấu trúc giao thương gần như hoàn toàn ngoại ngành, đồng nghĩa với mức phụ thuộc kinh tế rất lớn của Việt Nam vào Trung Quốc. Ngoài ra, mức độ phụ thuộc này biểu lộ sự « không bình thường ». Mức độ phụ thuộc hay tương tác thể hiện qua IIT có tương quan với trình độ phát triển giữa các quốc gia đối tác (các nghiên cứu bên ngành ngoại thương đã chỉ ra rằng các nước có cùng mức phát triển thì có chỉ số giao thương nội ngành cao giữa họ). Như vậy, nếu phỏng theo nhận định này, với hướng lấy các quốc gia có mức độ phát triển (theo GDP/người) không quá xa Trung Quốc như Malaysia, Mexico, Peru, Chile, thì lẽ ra chỉ số IIT Việt – Trung phải có giá trị gần bằng với IIT Việt Nam và những quốc gia ấy, tức ở tầm khoảng 0.25-0.3. Trong khi đó, chỉ số IIT Việt – Trung gần bằng zero, một giá trị chỉ xảy ra với 2 quốc gia có khoảng cách phát triển rất xa nhau và có cấu trúc kinh tế gần như trái ngược nhau.

### 2.2. Kết quả ở góc độ phân ngành theo trình độ công nghệ:

Nhìn chung, kết quả phân theo kỹ năng cũng không cho thấy đặc điểm nổi bật so với kết quả tổng

quát. Đa phần, quốc gia nào đã có giao thương ngoại ngành trên bình diện tổng quát, thì khi phân tích tới cấp độ kỹ năng cũng thể hiện mức độ ngoại ngành mạnh mẽ (trừ New Zealand ở mặt hàng có kỹ năng thấp, Chili ở các mặt hàng nông sản, năm 2014).

**Bảng 2: Tính phụ thuộc (tương tác) phân cấp theo trình độ công nghệ giai đoạn 2004-2014**

	E		D		C		F		B		A	
	2004	2014	2004	2014	2004	2014	2004	2014	2004	2014	2004	2014
USA	0.27 [M]	0.19 [X]	0.27 [X]	0.25 [X]	0.30 [X]	0.30 [X]	0.18 [X]	0.24 [X]	0.21 [X]	0.16 [X]	0.24 [X]	0.20 [X]
Singapore	0.18 [M]	0.27 [M]	0.26 [M]	0.33 [M]	0.30 [M]	0.33 [X]	0.18 [M]	0.30 [M]	0.29 [M]	0.24 [X]	0.33 [X]	0.32 [M]
Australia	0.28 [M]	0.28 [X]	0.25 [X]	0.30 [X]	0.29 [X]	0.30 [X]	0.36 [X]	0.23 [X]	0.19 [X]	0.18 [X]	0.22 [X]	0.22 [X]
Canada	0.39 [M]	0.27 [X]	0.41 [M]	0.30 [X]	0.27 [X]	0.22 [X]	0.17 [X]	0.31 [X]	0.30 [X]	0.19 [X]	0.20 [X]	0.28 [X]
New Zealand	0.21 [M]	0.27 [X]	0.17 [X]	0.30 [X]	0.59 [X]	0.52 [X]	0.22 [M]	0.22 [X]	0.35 [X]	0.22 [M]	0.83 [X]	0.27 [M]
Japan	0.21 [M]	0.23 [M]	0.23 [M]	0.27 [M]	0.21 [M]	0.30 [M]	0.18 [X]	0.25 [X]	0.19 [X]	0.18 [X]	0.24 [X]	0.22 [X]
Brunei	-	-	-	0.41 [M]	-	-	-	-	-	-	-	-
Chile	-	0.3 [X]	0.47 [X]	0.18 [X]	-	0.25 [X]	-	0.25 [X]	0.86 [M]	0.24 [X]	0.04 [M]	0.83 [X]
Malaysia	0.28 [M]	0.30 [M]	0.32 [M]	0.29 [M]	0.28 [X]	0.30 [X]	0.10 [X]	0.33 [M]	0.27 [X]	0.27 [X]	0.28 [X]	0.29 [X]
Mexico	0.48 [X]	0.32 [X]	-	0.24 [X]	-	0.47 [X]	0.09 [X]	0.04 [X]	0.03 [X]	0.19 [X]	0.10 [X]	0.14 [X]
Peru	-	-	-	0.02 [X]	-	-	-	-	-	0.21 [X]	0.55 [X]	0.28 [M]
China	0.02 [M]	0.04 [M]	0.04 [M]	0.07 [M]	0.02 [M]	0.05 [M]	0.04 [M]	0.07 [M]	0.07 [M]	0.13 [M]	0.07 [X]	0.07 [X]

Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu UN-Comtrade

Ghi chú 1: X thể hiện cán cân thương mại thặng dư, M thể hiện cán cân thương mại thâm hụt

Ghi chú 2: Theo phân loại của UN-COMTRADE, E: nhóm hàng có kỹ năng cao và thâm dụng công nghệ (high skill- and technology intensive manufactures); D: nhóm hàng có kỹ năng trung bình và thâm dụng công nghệ (medium skill- and technology intensive manufactures); C: nhóm hàng có kỹ năng trung bình và thâm dụng công nghệ (low skill- and technology-intensive manufactures); A: nhóm hàng sản phẩm nông nghiệp (non-fuel primary commodities); B: nhóm hàng thâm dụng tài nguyên (resource-intensive manufactures); F: nhóm hàng khoáng sản (mineral fuels).

Tuy nhiên theo thời gian, đa số các mặt hàng có giao thương nội ngành vào năm 2004 thì 10 năm sau đã chuyển sang ngoại ngành (một số mặt hàng công nghệ cao, trung bình và thấp với Canada, Mexico, Chili; nông sản với Péru). Điều này có nghĩa là đối với các ngành và các quốc gia vừa kể trên, Việt Nam đi từ tình trạng tương tác sang phụ thuộc nhiều hơn. Như vậy, kết quả thể hiện nhu cầu đa dạng hàng hóa giữa Việt Nam và các nước TPP không cao và không có xu hướng tăng lên. Kết quả phân phân ngành trong trường hợp giao thương với Trung Quốc cho thấy tình hình phụ thuộc vẫn rất « bất bình thường ». Suốt 10 năm, cấu trúc kinh tế Việt Nam không có gì thay đổi, tức vẫn luôn phụ thuộc hơn là tương tác trong tất cả các ngành thâm dụng công nghệ từ thấp tới cao.





## **Phát hành tháng 01-2015**

### **Tập chỉ số**

C3. Tăng trưởng - nghèo - bất bình đẳng thu nhập qua độ co giãn tổng quát và độ co giãn phân giải *Cao Xuân Dung, Doãn Thị Thanh Thủy*

B4. Vài nét về cạnh tranh quốc tế cho cá Fillet của Việt Nam và các nước xuất khẩu chính giai đoạn 2000-2011 *Quan Minh Quốc Bình*

B5. Cường độ giao thương Việt-Trung và triển vọng của hiệp ước thương mại xuyên Thái Bình Dương *Võ Thị Ngọc Trinh*

B6. Nét đặc thù trong xuất khẩu hay “Chất lượng xuất khẩu” của Việt Nam tới Trung Quốc *Quan Minh Quốc Bình*

B7. Nét đặc thù trong nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc giai đoạn 2000-2012 *Huỳnh Đăng Bích Vy*

B8. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam: Tính chất chuyên biệt thị trường, năng lực và khả năng cạnh tranh trong tương quan so sánh với Trung Quốc *Doãn Thị Thanh Thủy, Nguyễn Đức Vinh*

B9. Sơ khởi về triển vọng giảm phụ thuộc nhập khẩu từ Trung Quốc qua hiệp ước thương mại xuyên Thái Bình Dương *Hồ Quốc Tuấn*

## **LIÊN LẠC**

### **Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ : Số 97 Võ Văn Tần P.6, Q3, Tp.HCM  
Điện thoại : (08)39.301.090  
Website : [www.ou.edu.vn/ncktxh](http://www.ou.edu.vn/ncktxh)